

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
KHOA LUẬT

**ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC**

**I. Thông tin tổng quát**

1. Tên môn học tiếng Việt: **Luật Sở hữu trí tuệ - Mã môn học: BLAW2331**
2. Tên môn học tiếng Anh: **Law on Intellectual Property**
3. Thuộc khối kiến thức/kỹ năng
  - Giáo dục đại cương
  - Kiến thức chuyên ngành
  - Kiến thức cơ sở
  - Kiến thức bổ trợ
  - Kiến thức ngành
  - Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
4. Số tín chỉ

| Tổng số  | Lý thuyết | Thực hành | Số tiết tự học |
|----------|-----------|-----------|----------------|
| <b>3</b> | <b>2</b>  | <b>1</b>  | <b>90</b>      |

**5. Phụ trách môn học**

- a. Khoa phụ trách: Khoa Luật
- b. Giảng viên: Th.s.Nguyễn Thanh Hùng
- c. Địa chỉ email liên hệ: hung.nth@ou.edu.vn
- d. Phòng làm việc: Phòng 102 Cở sở Hồ Hảo Hớn

**II. Thông tin về môn học**

1. Mô tả môn học

Luật Sở hữu trí tuệ là môn học bắt buộc trong khối kiến thức chuyên ngành Luật và khối kiến thức ngành Luật kinh tế tại Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. Môn học cung cấp những kiến thức về đối tượng được bảo hộ bằng quyền sở hữu trí tuệ (bao gồm quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng), điều kiện cần đáp ứng để được bảo hộ, chủ thể được bảo hộ, nội dung bảo hộ, việc chuyển giao quyền và các biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.

2. Môn học điều kiện

| STT       | Môn học điều kiện     | Mã môn học |
|-----------|-----------------------|------------|
| <b>1.</b> | <b>Môn tiên quyết</b> |            |

| STT | Môn học điều kiện    | Mã môn học |
|-----|----------------------|------------|
| 2.  | Môn học trước        |            |
|     | <b>Luật dân sự 1</b> | BLAW2304   |
|     | <b>Luật dân sự 2</b> | BLAW2306   |
| 3.  | Môn học song hành    |            |

### 3. Mục tiêu môn học

Môn học cung cấp kiến thức chuyên môn và trang bị các kỹ năng cần thiết để giúp người học:

| Mục tiêu môn học | Mô tả  | CDR CTĐT phân bổ cho môn học |
|------------------|--|------------------------------|
| CO1              | Trình bày một cách có hệ thống các quy định của pháp luật về đối tượng, điều kiện bảo hộ, chủ thể quyền, nội dung quyền, việc chuyển giao quyền và việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.<br>Xác lập được quyền sở hữu trí tuệ đối với những đối tượng được bảo hộ.<br>Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể bị xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ. | PLO5.3                       |
| CO2              | Thực hiện quy trình, hồ sơ bảo hộ đối với các đối tượng của quyền sở hữu trí tuệ   | PLO7.1<br>PLO8.2<br>PLO8.6   |
| CO3              | Có khả năng làm việc nhóm trong lĩnh vực pháp luật sở hữu trí tuệ  | PLO13                        |
| CO4              | Có ý thức tích cực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của cá nhân và của người khác trong đời sống thực tế.   | PLO15                        |

### 4. Chuẩn đầu ra (CDR) môn học

Học xong môn học này, sinh viên phải có khả năng:

| Mục tiêu môn học (CO) | CDR môn học (CLO) | Mô tả CDR |
|-----------------------|-------------------|-----------|
|-----------------------|-------------------|-----------|

|     |      |  |
|-----|------|--|
| CO1 | CLO1 | Xác định đối tượng quyền sở hữu trí tuệ trong thực tế. Giải thích các nguyên tắc và ngoại lệ về điều kiện bảo hộ và cách thức xác lập quyền sở hữu trí tuệ. Phân tích nội dung và giới hạn quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu. Phân biệt các hình thức chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ và những điều kiện cần đáp ứng để việc chuyển giao này được hợp pháp. |
| CO2 | CLO2 | Đăng ký quyền tác giả, quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu.   |
| CO3 | CLO3 | Có khả năng làm việc nhóm trong lĩnh vực pháp luật sở hữu trí tuệ  |
| CO4 | CLO4 | Có ý thức tích cực bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của cá nhân và của người khác trong đời sống thực tế.   |

Ma trận tích hợp giữa chuẩn đầu ra của môn học và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

| CLOs | PLO1 | PLO2 | PLO3 | PLO4 | PLO5 | PLO6 | PLO7 | PLO8 | PLO9 | PLO10 | PLO11 | PLO12 | PLO13 | PLO14 | PLO15 |
|------|------|------|------|------|------|------|------|------|------|-------|-------|-------|-------|-------|-------|
| 1    |      |      |      |      |      |      | X    |      |      |       |       |       | X     |       | X     |
| 2    |      |      |      |      |      |      |      | X    |      |       |       |       | X     |       | X     |
| 3    |      |      |      |      | X    |      |      |      |      |       |       |       | X     |       | X     |
| 4    |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       |       |       |       |       |
| 5    |      |      |      |      |      |      |      |      |      |       |       |       |       |       |       |
| 6    |      |      |      |      |      |      |      | X    |      |       |       |       |       |       |       |

## 5. Học liệu

### a. Giáo trình, tài liệu học tập

Nguyễn Thanh Hùng (2018), *Tài liệu lưu hành nội bộ Luật Sở hữu trí tuệ*, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh.

### b. Tài liệu tham khảo lựa chọn

- Lê Nét, Nguyễn Xuân Quang (CB) (2015), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ*, Trường Đại học Luật TPHCM, NXB Hồng Đức, Tp. HCM.

- Lê Đình Nghị, Vũ Thị Hải Yến, Nguyễn Như Quỳnh, Nguyễn Thị Tuyết (2014), *Giáo trình Luật Sở hữu trí tuệ*, NXB Lý luận Chính trị, Hà Nội.

### c. Tài liệu tham khảo bắt buộc

1. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam năm 2005, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009, Luật số 42/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Kinh doanh bảo hiểm, Luật Sở hữu trí tuệ.
2. Bộ luật hình sự năm 2015.
3. Nghị định số 22/2018/NĐ-CP ngày 23/02/2018 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung

một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ năm 2009 về quyền tác giả, quyền liên quan.

4. Nghị định số 103/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về Sở hữu công nghiệp và Nghị định số 122/2010/NĐ-CP ngày 31/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 103/2006/NĐ-CP bên trên..
5. Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 16/8/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng và Nghị định số 98/2011/NĐ-CP ngày 26/10/2011 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 88/2010/NĐ-CP bên trên.
6. Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền Sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về Sở hữu trí tuệ và Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP bên trên.
7. Nghị định số 99/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Sở hữu công nghiệp.
8. Nghị định số 114/2013/NĐ-CP ngày 03/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt trong lĩnh vực giống cây trồng, bảo vệ và kiểm định thực vật.
9. Nghị định số 131/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quyền tác giả, quyền liên quan.
10. Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007 hướng dẫn thi hành Nghị định 103/2006/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về Sở hữu công nghiệp; Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 30/7/2010 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 17/2009/TT-BKHCN ngày 18/6/2009 và Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007; Thông tư số 18/2011/TT-BKHCN ngày 22/7/2011 sửa đổi, bổ sung một số quy định của Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN ngày 14/02/2007, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN ngày 31/7/2010 và Thông tư số 01/2008/TT-BKHCN ngày 25/02/2008, được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 04/2009/TT-BKHCN ngày 27/3/2009 và Thông tư số 05/2013/TT-BKHCN sửa đổi Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN hướng dẫn Nghị định số 103/2006/NĐ-CP về Luật Sở hữu trí tuệ về sở hữu công nghiệp được sửa đổi theo Thông tư số 13/2010/TT-BKHCN và 18/2011/TT-BKHCN do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành.

6. Đánh giá môn học

| Thành phần đánh giá    | Bài đánh giá   | Thời điểm | CDR môn học            | Tỷ lệ %     |
|------------------------|--|-----------|------------------------|-------------|
| (1)                    | (2)  | (3)       | (4)                    |             |
| A1. Đánh giá quá trình | - Đánh giá quá trình (chuyên cần, thái độ, tham gia phát biểu).<br>- Bài tập trên Hệ thống quản lý học tập LMS (nếu có). | Quá trình | CLO1, CLO2             | 10%         |
| A2. Đánh giá giữa kỳ   | Thuyết trình theo nhóm   | Giữa kỳ   | CLO1, CLO2, CLO3,      | 20%         |
|                        | Bài tập kiểm tra giữa kỳ   |           | CLO1, CLO2,            | 10%         |
| A3. Đánh giá cuối kỳ   | Bài kiểm tra cuối kỳ   | Cuối kỳ   | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | 60%         |
| <b>Tổng cộng</b>       |  |           |                        | <b>100%</b> |

7. Kế hoạch giảng dạy (Các nội dung giảng dạy theo buổi học, thể hiện sự tương quan với các CDR môn học, các hoạt động dạy và học (ở lớp, ở nhà) và các bài đánh giá của môn học).

**7.1. Kế hoạch giảng dạy lớp ngày (4,5 tiết/buổi)**

| Tuần/buổi học         | Nội dung  | CDR môn học | Hoạt động dạy và học  | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo   |
|-----------------------|---|-------------|---|--------------|--|
| (1)                   | (2)   | (3)         | (4)   | (5)          | (6)  |
| Tuần 1<br>/buổi thứ 1 | <b>Chương 1. Tổng quan về quyền sở hữu trí tuệ</b><br><i>1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ</i><br><i>1.2. Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ</i><br><i>1.3. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ</i><br><i>1.4. Nguồn của pháp luật về sở hữu trí tuệ</i> | CLO1, CLO2  | Giảng viên:<br>+Thuyết giảng<br>+ Trao đổi<br>Sinh viên:<br>+ Học ở lớp: tiếp thu và tương tác với giảng viên;<br>Thực hành xác định đối tượng quyền sở hữu trí tuệ tại lớp (3 tiết)<br>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác | Quá trình    | <i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 1, trang 13-40); Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009</i> |

| <b>Tuần/buổi học</b>  | <b>Nội dung</b>   | <b>CDR môn học</b>     | <b>Hoạt động dạy và học</b>   | <b>Bài đánh giá</b> | <b>Tài liệu chính và tài liệu tham khảo</b>   |
|-----------------------|---|------------------------|---|---------------------|---|
| (1)                   | (2)   | (3)                    | (4)   | (5)                 | (6)   |
|                       |   |                        | <i>trên LMS (1 tiết)</i>  |                     |   |
| Tuần 2<br>/buổi thứ 2 | <p><b>Chương 2. Điều kiện bảo hộ và chủ thể quyền tác giả</b></p> <p>2.1. Tính nguyên gốc (tính sáng tạo) của tác phẩm</p> <p>2.2. Tính định hình của tác phẩm</p> <p>2.3. Đăng ký quyền tác giả</p> <p>2.4. Loại hình tác phẩm được bảo hộ</p> <p>2.5. Xác định tác giả</p> <p>2.6. Trường hợp tác giả không phải là chủ sở hữu tác phẩm</p> | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | <p>Giảng viên:<br/>+Thuyết giảng<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: tiếp thu và tương tác với giảng viên;<br/>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p>  | Quá trình           | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 2 và 3, trang 45-69);</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 22/2018/NĐ-CP; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP</p> |
| Tuần 3<br>/buổi thứ 3 | <p><b>Chương 3. Nội dung và giới hạn quyền tác giả</b></p> <p>3.1. Quyền nhân thân của tác giả</p> <p>3.2. Quyền tài sản của chủ sở hữu tác phẩm</p> <p>3.3. Quyền hưởng lợi ích của chủ sở hữu tác phẩm</p> <p>3.4. Giới hạn quyền tác giả</p>   | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | <p>Giảng viên:<br/>+Thuyết giảng<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: tiếp thu, tương tác với giảng viên; Làm bài tập xác định hành vi sử dụng phải trả tiền nhuận bút, thù lao (3 tiết)<br/>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (3 tiết)</p> | Quá trình           | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 4 và 5, trang 71-109);</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 22/2018/NĐ-CP</p>                             |
| Tuần 4<br>/buổi thứ 4 | <p><b>Chương 4. Quyền liên quan đến quyền tác giả</b></p> <p>4.1. Đối tượng quyền liên quan</p> <p>4.2. Chủ thể quyền liên quan</p>   | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | <p>Giảng viên:<br/>+Thuyết giảng<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: tiếp thu và tương tác với</p>  | Quá trình           | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 6, trang 115-134);</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005</p>  |

| Tuần/buổi học      | Nội dung  | CDR môn học      | Hoạt động dạy và học   | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo   |
|--------------------|---|------------------|--|--------------|--|
| (1)                | (2)   | (3)              | (4)  | (5)          | (6)  |
|                    | <p>4.3. Nội dung quyền của người biểu diễn</p> <p>4.4. Nội dung quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình</p> <p>4.5. Nội dung quyền của tổ chức phát sóng</p> <p>4.6. Giới hạn quyền liên quan</p>   |                  | giảng viên;<br>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (2 tiết)   |              | được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 22/2018/NĐ-CP   |
| Tuần 5 /buổi thứ 5 | <p><b>Chương 5. Khái niệm và điều kiện bảo hộ quyền đối với sáng chế</b></p> <p>5.1. Khái niệm sáng chế</p> <p>5.2. Tính mới của sáng chế</p> <p>5.3. Trình độ sáng tạo của sáng chế</p> <p>5.4. Khả năng áp dụng công nghiệp của sáng chế</p> <p>5.5. Đăng ký sáng chế</p> | CLO1, CLO2, CLO3 | Giảng viên:<br>+Thảo luận<br>+ Trao đổi<br>Sinh viên:<br>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm và trao đổi với giảng viên;<br>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)  | Quá trình    | Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 8 và 9, trang 151-205);<br>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN |
| Tuần 6 /buổi thứ 6 | <p><b>Chương 6. Nội dung và giới hạn quyền đối với sáng chế</b></p> <p>6.1. Quyền nhân thân của tác giả sáng chế</p> <p>6.2. Quyền tài sản của chủ sở hữu sáng chế</p> <p>6.3. Hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế</p> <p>6.4. Giới hạn quyền đối với sáng chế</p>      | CLO1, CLO2, CLO3 | Giảng viên:<br>+ Thảo luận<br>+ Trao đổi<br>Sinh viên:<br>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên;<br>Làm bài tập xác định hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế (3 tiết)<br>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác | Quá trình    | Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 10, trang 207-222);<br>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP                                   |

| Tuần/buổi học         | Nội dung   | CDR môn học             | Hoạt động dạy và học   | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo   |
|-----------------------|--|-------------------------|--|--------------|--|
| (1)                   | (2)  | (3)                     | (4)  | (5)          | (6)  |
|                       |  |                         | <i>trên LMS (1 tiết)</i>   |              |  |
| Tuần 7<br>/buổi thứ 7 | <p><b>Chương 7. Kiểu dáng công nghiệp</b></p> <p>7.1. Khái niệm kiểu dáng công nghiệp</p> <p>7.2. Điều kiện bảo hộ kiểu dáng công nghiệp</p> <p>7.3. Đăng ký kiểu dáng công nghiệp</p> <p>7.4. Nội dung quyền đối với kiểu dáng công nghiệp</p> <p>7.5. Giới hạn quyền đối với kiểu dáng công nghiệp</p> | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3  | <p>Giảng viên:<br/>+ Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên; Bài tập về xác định đối tượng bảo hộ và mô tả kiểu dáng công nghiệp (3 tiết)</p> <p>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (2 tiết)</p> | Quá trình    | <p><i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 11 và 12, trang 227-262);</i></p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN</p> |
| Tuần 8<br>/buổi thứ 8 | <p><b>Chương 8. Nhãn hiệu</b></p> <p>8.1. Khái niệm nhãn hiệu</p> <p>8.2. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu</p> <p>8.3. Đăng ký nhãn hiệu</p> <p>8.4. Nội dung quyền đối với nhãn hiệu</p> <p>8.5. Giới hạn quyền đối với nhãn hiệu</p>   | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3, | <p>Giảng viên:<br/>+ Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên; Bài tập về xác định hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu (3 tiết)</p> <p>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (2 tiết)</p>        | Quá trình    | <p><i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 13 và 14, trang 263-308);</i></p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN</p> |



| Tuần/buổi học        | Nội dung  | CDR môn học              | Hoạt động dạy và học   | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo   |
|----------------------|---|--------------------------|--|--------------|--|
| (1)                  | (2)   | (3)                      | (4)  | (5)          | (6)  |
| Tuần 9 /buổi thứ 9   | <p><b>Chương 9. Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ</b></p> <p>9.1. Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>9.2. Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp</p> <p>9.3. Đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp</p>  | CLO1, CLO2, CLO3         | <p>Giảng viên:<br/>+ Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên;<br/>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p> | Quá trình    | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 7, trang 137-149 và 14 và Bài 16 trang 329-346);</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN</p> |
| Tuần 10 /buổi thứ 10 | <p><b>Chương 10. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ</b></p> <p>10.1. Những hành vi bị xử lý bằng các biện pháp xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>10.2. Biện pháp dân sự</p> <p>10.3. Biện pháp hình sự</p> <p>10.4. Biện pháp hành chính</p> <p>10.5. Biện pháp kiểm soát biên giới</p> | CLO1, CLO2, CLO3<br>CLO4 | <p>Giảng viên:<br/>+ Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên;<br/>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p> | Quá trình    | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 18, trang 323-388);</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP</p>  |

## 7.2. Kế hoạch giảng dạy lớp tối (3,0 tiết/buổi)

| Tuần/buổi học      | Nội dung   | CDR môn học | Hoạt động dạy và học   | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo  |
|--------------------|--|-------------|--|--------------|---|
| (1)                | (2)  | (3)         | (4)  | (5)          | (6)   |
| Tuần 1 /buổi thứ 1 | <p><b>Chương 1. Tổng quan về quyền sở hữu trí tuệ</b></p> <p>1.1. Khái niệm và đặc điểm của quyền sở hữu trí tuệ</p> | CLO1, CLO2  | <p>Giảng viên:<br/>+Thuyết giảng<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp:</p> | Quá trình    | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 1, trang 13-40);</p> <p>Luật Sở hữu trí</p> |

| Tuần/buổi học      | Nội dung  | CDR môn học      | Hoạt động dạy và học   | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo  |
|--------------------|---|------------------|--|--------------|---|
| (1)                | (2)   | (3)              | (4)  | (5)          | (6)   |
|                    | <p>1.2. Đối tượng quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1.3. Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>1.4. Nguồn của pháp luật về sở hữu trí tuệ</p>   |                  | <p>tiếp thu và tương tác với giảng viên;</p> <p>Thực hành xác định đối tượng quyền sở hữu trí tuệ tại lớp (3 tiết)</p> <p>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p>  |              | <p>tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009</p>  |
| Tuần 2 /buổi thứ 2 | <p><b>Chương 2. Điều kiện bảo hộ và chủ thể quyền tác giả</b></p> <p>2.1. Tính nguyên gốc (tính sáng tạo) của tác phẩm</p> <p>2.2. Tính định hình của tác phẩm</p> <p>2.3. Đăng ký quyền tác giả</p> <p>2.4. Loại hình tác phẩm được bảo hộ</p> <p>2.5. Xác định tác giả</p> <p>2.6. Trường hợp tác giả không phải là chủ sở hữu tác phẩm</p> | CLO1, CLO2, CLO3 | <p>Giảng viên:</p> <p>+Thuyết giảng</p> <p>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:</p> <p>+ Học ở lớp: tiếp thu và tương tác với giảng viên;</p> <p>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p>   | Quá trình    | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 2 và 3, trang 45-69);</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 22/2018/NĐ-CP; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP</p> |
| Tuần 3 /buổi thứ 3 | <p><b>Chương 3. Nội dung và giới hạn quyền tác giả</b></p> <p>3.1. Quyền nhân thân của tác giả</p> <p>3.2. Quyền tài sản của chủ sở hữu tác phẩm</p> <p>3.3. Quyền hưởng lợi ích của chủ sở hữu tác phẩm</p> <p>3.4. Giới hạn quyền tác giả</p>   | CLO1, CLO2, CLO3 | <p>Giảng viên:</p> <p>+Thuyết giảng</p> <p>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:</p> <p>+ Học ở lớp: tiếp thu, tương tác với giảng viên;</p> <p>Làm bài tập xác định hành vi sử dụng phải trả tiền nhuận bút, thù lao (3 tiết)</p> <p>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p> | Quá trình    | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 4 và 5, trang 71-109);</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 22/2018/NĐ-CP</p>                             |

| Tuần/buổi học      | Nội dung  | CDR môn học      | Hoạt động dạy và học   | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo   |
|--------------------|---|------------------|--|--------------|--|
| (1)                | (2)   | (3)              | (4)  | (5)          | (6)  |
| Tuần 4 /buổi thứ 4 | <p><b>Chương 4. Quyền liên quan đến quyền tác giả</b></p> <p>4.1. Đối tượng quyền liên quan</p> <p>4.2. Chủ thể quyền liên quan</p> <p>4.3. Nội dung quyền của người biểu diễn</p> <p>4.4. Nội dung quyền của nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình</p> <p>4.5. Nội dung quyền của tổ chức phát sóng</p> <p>4.6. Giới hạn quyền liên quan</p> | CLO1, CLO2, CLO3 | <p>Giảng viên:<br/>+Thuyết giảng<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: tiếp thu và tương tác với giảng viên;<br/>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (2 tiết)</p>           | Quá trình    | <p><i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 6, trang 115-134);</i></p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 22/2018/NĐ-CP</p>                                     |
| Tuần 5 /buổi thứ 5 | <p><b>Chương 5. Khái niệm và điều kiện bảo hộ quyền đối với sáng chế</b></p> <p>5.1. Khái niệm sáng chế</p> <p>5.2. Phân loại sáng chế</p> <p>5.3. Tính mới của sáng chế</p>  | CLO1, CLO2, CLO3 | <p>Giảng viên:<br/>+Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm và trao đổi với giảng viên;<br/>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p> | Quá trình    | <p><i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 8 và 9, trang 151-205);</i></p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN</p> |
| Tuần 6 /buổi thứ 6 | <p><b>Chương 5. Khái niệm và điều kiện bảo hộ quyền đối với sáng chế (tt)</b></p> <p>5.4. Trình độ sáng tạo của sáng chế</p> <p>5.5. Khả năng áp dụng công nghiệp của sáng chế</p> <p>5.6. Đăng ký sáng chế</p>   | CLO1, CLO2, CLO3 | <p>Giảng viên:<br/>+Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm và trao đổi với giảng viên;<br/>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p> | Quá trình    | <p><i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 8 và 9, trang 151-205);</i></p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN</p> |

| Tuần/buổi học         | Nội dung   | CDR môn học            | Hoạt động dạy và học   | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo   |
|-----------------------|--|------------------------|--|--------------|--|
| (1)                   | (2)  | (3)                    | (4)  | (5)          | (6)  |
| Tuần 7<br>/buổi thứ 7 | <p><b>Chương 6. Nội dung và giới hạn quyền đối với sáng chế</b></p> <p>6.1. Quyền nhân thân của tác giả sáng chế</p> <p>6.2. Quyền tài sản của chủ sở hữu sáng chế</p> <p>6.3. Hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế</p> <p>6.4. Giới hạn quyền đối với sáng chế</p> | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | <p>Giảng viên:<br/>+ Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên; Làm bài tập xác định hành vi xâm phạm quyền đối với sáng chế (3 tiết)</p> <p>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p>        | Quá trình    | <p><i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 10, trang 207-222);</i></p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP</p>                                     |
| Tuần 8<br>/buổi thứ 8 | <p><b>Chương 7. Kiểu dáng công nghiệp</b></p> <p>7.1. Khái niệm kiểu dáng công nghiệp</p> <p>7.2. Điều kiện bảo hộ kiểu dáng công nghiệp</p> <p>7.3. Đăng ký kiểu dáng công nghiệp</p>   | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | <p>Giảng viên:<br/>+ Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên; Bài tập về xác định đối tượng bảo hộ và mô tả kiểu dáng công nghiệp (3 tiết)</p> <p>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p> | Quá trình    | <p><i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 11 và 12, trang 227-262);</i></p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN</p> |
| Tuần 9<br>/buổi thứ 9 | <p><b>Chương 7. Kiểu dáng công nghiệp (tt)</b></p> <p>7.4. Nội dung quyền đối với kiểu dáng công nghiệp</p> <p>7.5. Giới hạn quyền đối với kiểu dáng công nghiệp</p>   | CLO1,<br>CLO2,<br>CLO3 | <p>Giảng viên:<br/>+ Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên; Bài</p>   | Quá trình    | <p><i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 11 và 12, trang 227-262);</i></p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm</p>   |

| Tuần/buổi học        | Nội dung   | CDR môn học       | Hoạt động dạy và học   | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo  |
|----------------------|--|-------------------|--|--------------|---|
| (1)                  | (2)  | (3)               | (4)  | (5)          | (6)   |
|                      |  |                   | tập về xác định đối tượng bảo hộ và mô tả kiểu dáng công nghiệp (3 tiết)<br>+ Học ở nhà: <i>đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</i>   |              | 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN   |
| Tuần 10 /buổi thứ 10 | <b>Chương 8. Nhãn hiệu</b><br><i>8.1. Khái niệm nhãn hiệu</i><br><i>8.2. Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu</i><br><i>8.3. Đăng ký nhãn hiệu</i><br><i>8.4. Nội dung quyền đối với nhãn hiệu</i><br><i>8.5. Giới hạn quyền đối với nhãn hiệu</i> | CLO1, CLO2, CLO3, | Giảng viên:<br>+ Thảo luận<br>+ Trao đổi<br>Sinh viên:<br>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên; Bài tập về xác định hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu (3 tiết)<br>+ Học ở nhà: <i>đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</i> | Quá trình    | <i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 13 và 14, trang 263-308);</i><br>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN |
| Tuần 11 /buổi thứ 11 | <b>Chương 8. Nhãn hiệu (tt)</b><br><i>8.4. Nội dung quyền đối với nhãn hiệu</i><br><i>8.5. Giới hạn quyền đối với nhãn hiệu</i>  | CLO1, CLO2, CLO3, | Giảng viên:<br>+ Thảo luận<br>+ Trao đổi<br>Sinh viên:<br>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên; Bài tập về xác định hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu (3 tiết)<br>+ Học ở nhà: <i>đọc trước tài</i>  | Quá trình    | <i>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 13 và 14, trang 263-308);</i><br>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN |

| Tuần/buổi học        | Nội dung   | CDR môn học            | Hoạt động dạy và học   | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo   |
|----------------------|--|------------------------|--|--------------|--|
| (1)                  | (2)  | (3)                    | (4)  | (5)          | (6)  |
|                      |  |                        | <i>liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</i>  |              |  |
| Tuần 12 /buổi thứ 12 | <p><b>Chương 9. Chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ</b></p> <p>9.1. Chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan</p> <p>9.2. Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp</p> <p>9.3. Đăng ký hợp đồng chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp</p> | CLO1, CLO2, CLO3       | <p>Giảng viên:<br/>+ Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên;<br/>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p> | Quá trình    | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 7, trang 137-149 và 14 và Bài 16 trang 329-346);</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 103/2006/NĐ-CP; Thông tư số 01/2007/TT-BKHCN</p> |
| Tuần 13 /buổi thứ 13 | <p><b>Chương 10. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ</b></p> <p>10.1. Những hành vi bị xử lý bằng các biện pháp xử lý xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ</p> <p>10.2. Biện pháp dân sự</p>  | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | <p>Giảng viên:<br/>+ Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên;<br/>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác trên LMS (1 tiết)</p> | Quá trình    | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 18, trang 323-388);</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP</p>  |
| Tuần 14 /buổi thứ 14 | <p><b>Chương 10. Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ (tt)</b></p> <p>10.3. Biện pháp hình sự</p> <p>10.4. Biện pháp hành chính</p> <p>10.5. Biện pháp kiểm soát biên giới</p>  | CLO1, CLO2, CLO3, CLO4 | <p>Giảng viên:<br/>+ Thảo luận<br/>+ Trao đổi</p> <p>Sinh viên:<br/>+ Học ở lớp: thuyết trình theo nhóm, tương tác với giảng viên;<br/>+ Học ở nhà: đọc trước tài liệu, tham gia các tương tác</p>                   | Quá trình    | <p>Tập bài giảng Luật Sở hữu trí tuệ (Bài 18, trang 323-388);</p> <p>Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Nghị định số 105/2006/NĐ-CP</p>  |

| Tuần/buổi học        | Nội dung  | CDR môn học | Hoạt động dạy và học  | Bài đánh giá | Tài liệu chính và tài liệu tham khảo |
|----------------------|---|-------------|---|--------------|--------------------------------------|
| (1)                  | (2)   | (3)         | (4)   | (5)          | (6)                                  |
|                      |   |             | <i>trên LMS (1 tiết)</i>  |              |                                      |
| Tuần 15 /buổi thứ 15 | <p><b>Tổng kết- Ôn tập</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>• Hướng dẫn ôn tập nội dung trọng điểm của Luật Sở hữu trí tuệ: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyền tác giả</li> <li>- Quyền liên quan</li> <li>- Quyền đối với sáng chế</li> <li>- Quyền đối với kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu</li> </ul> </li> <li>• Hướng dẫn cách thức thực hiện kiểm tra cuối kỳ.</li> </ul> |             | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Giảng viên: Tóm tắt nội dung học, giải đáp thắc mắc.</li> <li>- Sinh viên: đặt câu hỏi, trao đổi.</li> </ul> |              |                                      |

## 8. Quy định của môn học

Quy định về làm bài tập, bài kiểm tra, đánh giá kết quả cuối kỳ:

### ***Bài tập tình huống***

- Nội dung: Giải quyết một nội dung trong phạm vi môn học.
- Tiêu chí đánh giá (xem trong phần rubrics môn học).

### **Thuyết trình theo nhóm**

- Hình thức: Bài làm trên phần mềm trình chiếu PPT.
- Nội dung: Giải quyết một nội dung trong phạm vi môn học.
- Tiêu chí đánh giá (xem trong phần rubrics môn học).
- Xác định mức độ tham gia của các thành viên trong làm việc nhóm.
- Đại diện nhóm báo cáo quá trình làm việc nhóm và kết quả làm việc nhóm. Các thành viên của nhóm hỗ trợ thành viên đại diện trong quá trình thuyết trình.

### **Đánh giá kết quả cuối kỳ:**

- Thi kết thúc học phần;
  - Hình thức: Thi viết tự luận (thời gian 90 phút).
  - Nội dung: toàn bộ kiến thức của môn học.
  - Tiêu chí đánh giá: theo đáp án chi tiết của Bộ môn trong phần rubrics môn học.
- **Nội quy lớp học:**

*Các quy định khác của môn học: sinh viên không nộp bài tập và báo cáo đúng thời hạn được coi như không nộp bài; sinh viên vắng học quá nửa (1/2) thời gian học trở lên không được phép dự thi cuối kỳ, sinh viên không làm bài tập trên LMS không có điểm quá trình nội dung đó.*

- **Quy định về cấm thi:** Sinh viên không có điểm tổng kết quá trình không được dự thi cuối kỳ./.

**TRƯỞNG KHOA**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Giảng viên biên soạn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**TS. Dư Ngọc Bích**

**Th.s. Nguyễn Thanh Hùng**